

**VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG
THÔN**

DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG - VNSAT

BÁO CÁO

**THỊ TRƯỜNG ĐỐI THỦ CẠNH TRANH – THỊ
TRƯỜNG ẨM ĐỘ**

Hà Nội, 2018

Mục lục

I. GIỚI THIỆU CHUNG.....	3
1.1. Mục tiêu báo cáo.....	3
1.2. Tình hình kinh tế, văn hóa - xã hội, chính trị Ấn Độ.....	3
1.2.1. Tình hình kinh tế	4
1.2.2. Tình hình văn hóa - xã hội.....	5
1.2.3. Hệ thống chính trị.....	6
II. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT LÚA GẠO ẤN ĐỘ.....	6
2.1. Biến động sản xuất.....	6
2.2. Hoạt động chế biến và sơ chế sản phẩm.....	9
2.3. Chính sách hỗ trợ sản xuất.....	9
III. THỰC TRẠNG THƯƠNG MẠI NGÀNH LÚA GẠO ẤN ĐỘ	10
3.1. Xuất khẩu.....	10
3.2. Nhập khẩu	12
3.3. Biến động tiêu dùng và tồn kho trong nước	13
3.5. Biến động giá.....	13
3.6. Chính sách thương mại	14
IV. KẾT LUẬN.....	15
4.1. Kết luận.....	15
4.2. Một số lưu ý cho Việt Nam	16
Tài liệu tham khảo.....	17

Danh mục bảng

Bảng 1: Thông tin chung về Cộng hòa Ấn Độ.....	3
Bảng 2: Các chỉ số kinh tế Ấn Độ:.....	5
Bảng 3: Sản xuất lúa gạo Ấn Độ giai đoạn 2009 - 2017.....	7
Bảng 4: Hỗ trợ giá tối thiểu (MSP) cho sản xuất lúa (Đơn vị: Rs/ tạ).....	10
Bảng 5: Lượng, giá trị và giá xuất khẩu gạo Ấn Độ qua các năm.....	10
Bảng 6: Xuất khẩu gạo Ấn Độ phân theo chủng loại (đơn vị: triệu tấn)	11
Bảng 7 Lượng và giá trị nhập khẩu gạo của Ấn Độ qua các năm.....	12

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Mục tiêu báo cáo

Lúa gạo là ngành hàng chủ lực của nông nghiệp Việt Nam. Sản xuất lúa gạo đã có bước tiến đáng kể trong nhiều thập niên qua, góp phần quan trọng trong xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an ninh lương thực và thúc đẩy xuất khẩu nông sản Việt Nam. Trong khoảng 10 năm trở lại đây, Việt Nam liên tục nằm trong nhóm 5 nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới bên cạnh các nước như Ấn Độ, Thái Lan, Pakistan, Brazil. Gạo xuất khẩu Việt Nam luôn phải đối mặt với những cạnh tranh về giá gạo, khối lượng và chất lượng gạo với các đối thủ cạnh tranh ở cả các thị trường dễ tính như Đông Nam Á, Châu Phi và khó tính như Hoa Kỳ, châu Âu, Úc, Nhật. Để nâng cao khả năng cạnh tranh của gạo Việt Nam, ngoài những giải pháp tăng cường nội lực sản xuất và xuất khẩu trong nước, cần nắm rõ được thực trạng và xu thế sản xuất, xuất khẩu gạo của các nước xuất khẩu khác.

Trong khuôn khổ hoạt động xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành hàng lúa gạo và cà phê của dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững VnSAT, các báo cáo phân tích thị trường đối thủ cạnh tranh cho ngành lúa gạo được xây dựng, tập trung vào các thị trường Thái Lan, Ấn Độ và Pakistan. Báo cáo này được xây dựng nhằm mục đích nắm bắt và hiểu thông tin về tình hình sản xuất, thương mại ngành lúa gạo của Ấn Độ - một trong những đối thủ cạnh tranh chính của Việt Nam trên thị trường xuất khẩu quốc tế. Những thông tin tổng hợp và phân tích trong báo cáo này được mong đợi sẽ là nguồn tham khảo để đưa ra những giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh ngành lúa gạo Việt Nam.

1.2. Tình hình kinh tế, văn hóa - xã hội, chính trị Ấn Độ

Bảng 1: Thông tin chung về Cộng hòa Ấn Độ

Thủ đô	New Delhi
Diện tích	3.187.590 km ²
Khí hậu	Gió mùa nhiệt đới ở phía Nam, khí hậu ôn hòa ở phía Bắc. Có 4 mùa: mùa đông (tháng 1 -2), mùa hè (tháng 3 – 5), mùa mưa Tây Nam (tháng 6-7), mùa mưa Đông Bắc (tháng 10-12)
Ngôn ngữ	Hindi và Tiếng Anh, Tiếng Anh là ngôn ngữ kinh doanh
Đơn vị tiền tệ	Đồng Rupì Ấn Độ (Rs), tỷ giá 1 USD – 58,84 Rs
Múi giờ	GMT + 5.30

1.2.1. Tình hình kinh tế

Nền kinh tế Ấn Độ đa dạng và bao gồm các ngành và lĩnh vực: nông nghiệp, thủ công nghiệp, dệt, chế tạo và nhiều ngành dịch vụ. Dù 2/3 lực lượng lao động Ấn Độ vẫn trực tiếp hay gián tiếp sống bằng nghề nông nhưng dịch vụ là một lĩnh vực đang tăng trưởng và đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế Ấn Độ. Ấn Độ là một nước xuất khẩu chính nhân công tay nghề cao trong lĩnh vực phần mềm và các dịch vụ tài chính và công nghệ phần mềm.

Các ngành kinh tế mũi nhọn bao gồm:

Nông nghiệp

Nông nghiệp chiếm xấp xỉ 17,1% GDP của Ấn Độ và tạo công ăn việc làm cho khoảng 52% dân số trong độ tuổi lao động. Ấn Độ là một trong những nước chăn nuôi lớn nhất thế giới và cũng là nhà sản xuất hàng đầu thế giới về mía đường, chè và đậu. Ấn Độ cũng là một trong những nhà sản xuất rau quả, lúa mì, gạo, sữa và gia vị lớn nhất thế giới. Thị trường sản phẩm từ sữa chất lượng cao như sữa bột, váng sữa bột, bột, dầu bơ, bột sữa chua, đường sữa, các sản phẩm cung cấp năng lượng như sữa chua giàu vitamin ngày một phát triển.

Ngành công nghiệp dệt may:

Ngành công nghiệp dệt may có vai trò sống còn trong nền kinh tế Ấn Độ. Sản xuất của ngành công nghiệp này chiếm 4% GDP và 20% đầu ra của nền công nghiệp, chiếm 15% kim ngạch xuất khẩu. Là ngành đứng thứ hai chỉ sau nông nghiệp, công nghiệp dệt may có số lượng lao động gần 38 triệu người. Hiện sợi bông vẫn là chất liệu chiếm ưu thế, song Ấn Độ đang trở thành nhà sản xuất đứng thứ 2 trên thế giới về mặt hàng lụa và đứng trong danh sách 5 nước sản xuất vải sợi hàng đầu thế giới.

Ngành công nghệ thông tin

+ Ngành công nghiệp phần mềm: Ngành dịch vụ và phần mềm ở Ấn Độ được cả thế giới biết đến nhờ những giải pháp phần mềm chất lượng cao và giá rẻ. Xuất khẩu phần mềm của Ấn Độ bao gồm gia công trong nước (sản xuất tại Ấn Độ) và gia công tại chỗ (sản xuất ở nước ngoài). Dịch vụ gia công phần mềm trong nước phát triển mạnh.

+ Ngành công nghiệp phần cứng và dịch vụ Internet : Nền kinh tế đang bùng nổ của Ấn Độ, tăng trưởng bình quân 9%, sẽ thúc đẩy chi tiêu cho công nghệ thông tin (IT) khi các công ty nâng cấp hệ thống máy tính để cạnh tranh và người tiêu dùng truy cập Internet.

Công nghiệp giải trí

Hiện nay Ấn Độ là một trong những nước có ngành công nghiệp phim ảnh hàng đầu thế giới. Ấn Độ sản xuất hơn 70.000 phim truyện và hàng ngàn phim tài liệu ngắn bằng 52 thứ tiếng (bao gồm cả thổ ngữ). Nền công nghiệp điện ảnh Ấn Độ được dự đoán sẽ tăng trưởng 15% trong 5 năm tới. Ấn Độ chú trọng vào công nghệ sản xuất phim, thiết bị quay phim, sản xuất hậu kỳ và triển lãm sản phẩm. Gần 1.000 phim được sản xuất hàng năm với kinh phí trung bình 2,36 triệu USD cho mỗi phim với doanh thu tổng cộng 1,9 tỷ USD mỗi năm. Với việc đầu tư vào hơn 78 khu giải trí mới (khu giải trí, nhà hát, công viên nước) và 400 trung tâm giải trí gia đình, nền công nghiệp giải trí Ấn Độ rất có thể sẽ trở thành ngành công nghiệp tỷ đô trong thế kỷ 21.

Bảng 2: Các chỉ số kinh tế Ấn Độ

	2015	2016	2017
GDP (ppp)	8,265 tỷ USD	8,852 tỷ USD	9,447 tỷ USD
Tăng trưởng GDP	8%	7,1%	6,7%
GDP theo đầu người	6.400 USD	6.800 USD	7.200 USD
GDP theo ngành (2016)		Nông nghiệp: 16,8% - Công nghiệp: 28,9% - Dịch vụ: 54,3%	
Lực lượng lao động	502,2 triệu người	513,7 triệu người	521,9 triệu người
Tỷ lệ thất nghiệp	7,1%	8,4%	8,8%
Tỷ lệ lạm phát	4,9%	4,5%	3,8%
Mặt hàng nông nghiệp		Gạo, lúa mì, bông, đay, chè, mía đường, hành tây, khoai tây, các sản phẩm từ sữa, cừu, dê, gia cầm, cá...	
Các ngành công nghiệp		Dệt, hóa chất, chế biến thực phẩm, thép, thiết bị vận tải, xi măng, mỏ, dầu khí, máy móc, phần mềm, dược phẩm	
Kim ngạch xuất khẩu	287 tỷ USD	268 tỷ USD	299 tỷ USD
Mặt hàng chính		Sản phẩm dầu khí, đá quý, máy móc, sắt thép, hóa chất, phương tiện đồ chơi, sản phẩm dược	
Các đối tác xuất khẩu chính		US 16%, UAE 11.7%, Hong Kong 5.1% (2016)	
Kim ngạch nhập khẩu	432 tỷ USD	376 tỷ USD	426 tỷ USD
Mặt hàng chính		Dầu thô, đá quý, máy móc, phân bón, sắt thép, hóa chất	
Các đối tác nhập khẩu chính		Trung Quốc 17%, US 5.8%, UAE 5.4%, Ả Rập Xê út 5.2%, Thụy Sĩ 4.2% (2016)	

Nguồn: CIA Factbook, Trích dẫn từ Hồ sơ thị trường Ấn Độ - VCCI

1.2.2. Tình hình văn hóa - xã hội

Văn hóa: Ấn Độ có di sản văn hóa phong phú và mang những đặc trưng duy nhất. Nhiều hoạt động văn hoá, ngôn ngữ, phong tục và các công trình là những ví dụ cho sự đa

xen văn hóa. Những công trình nổi tiếng ở Ấn Độ như Taj Mahal và các công trình kiến trúc có ảnh hưởng Hồi giáo là di sản từ triều đại Mughal. Ẩm thực Ấn Độ rất đa dạng, về thành phần, hương vị và cách chế biến khác biệt theo từng vùng. Gạo và bột mì là hai thực phẩm chính của nước này. Ấn Độ nổi tiếng về số lượng các món chay và không chay. Thực phẩm nhiều gia vị và đồ ngọt rất phổ biến ở Ấn Độ.

Trong văn hóa kinh doanh, cơ sở của mối quan hệ kinh doanh là sự tín nhiệm. Về cơ bản, doanh nhân Ấn Độ có thể tin tưởng. Có thể là đối tác địa phương hay đối tác nước ngoài, doanh nhân Ấn Độ cũng thích được đối tác tín nhiệm ngay từ đầu. Đồng thời, các mối quan hệ và con người quan trọng hơn các thời gian biểu câu nệ. Người Ấn cũng thảo luận các vấn đề theo một cách khác biệt. Người Ấn cảm giác rằng xu hướng tiếp cận vấn đề của người châu Âu là theo chiều dọc sẽ làm loại trừ rất nhiều khả năng. Sự khác biệt về địa vị phải được tôn kính. Không có phong tục sử dụng tên trong giao tiếp kinh doanh. Mọi người mặc trang trọng khi dự họp. Trang phục thông thường được chấp nhận trong các ngày làm việc. Khoảng cách giữa mọi người được ưa chuộng “khoảng chiều dài của cánh tay”.

Xã hội: Ấn Độ đặc biệt tập trung vào dòng họ. Dòng họ ở Ấn Độ là một niềm tự hào. Sinh hoạt, tôn giáo hay siêu nhiên có quan hệ mật thiết với nhau. Quan trọng cuộc sống hơn lợi nhuận và các thương trường. Ở Ấn Độ, Chính quyền được tôn trọng, địa vị và quyền lực được đánh giá cao. Quan niệm xã hội Ấn Độ được chi phối bởi nam giới. Xã hội Ấn Độ được ngấm sâu bởi tôn giáo cùng sự kính trọng về lứa tuổi, truyền thống và các biểu tượng. Tương phản trong lối sống của người giàu và người nghèo có thể thấy ở khắp nơi, tại các bến tàu xe hay trong các thành phố nhỏ. Người Ấn Độ kiên trì và thích thảo luận, tranh luận, và cởi mở trong việc phê bình.

1.2.3. Hệ thống chính trị

Nhà nước Ấn Độ tổ chức theo hình thức liên bang và theo chế độ dân chủ đại nghị. Có 3 nhánh chính phủ: Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp ở cấp độ bang và quốc gia. Chính phủ liên bang gồm Tổng thống, Phó Tổng thống, và Hội đồng Bộ trưởng – đứng đầu bởi Thủ tướng. Tổng thống và Phó tổng thống do cử tri đoàn bầu ra nhiệm kỳ 5 năm.

II. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT LÚA GẠO ẤN ĐỘ

2.1. Biến động sản xuất

Diện tích, năng suất, sản lượng

Lúa là một trong những cây lương thực chủ yếu của Ấn Độ, phục vụ trên một nửa dân số sử dụng trong bữa ăn hàng ngày. Lúa được gieo trồng tại nhiều vùng của Ấn Độ với

diện tích canh tác vào khoảng 45,6 triệu ha, sản lượng 99,37 triệu tấn và năng suất trung bình 2,17 tấn/ha trong niên vụ 2008/09. Đến niên vụ 2016/17, Ấn Độ đạt sản xuất mức kỷ lục 109,15 triệu tấn lúa trong đó gần 90% sản lượng tương đương với 95,7 triệu tấn được tiêu dùng nội địa và dự trữ (Nguyễn Tuấn Quang, 2017 & USDA, 2018).

Các bang chính trồng lúa là Tây Bengal, Uttar Pradesh, Andhra Pradesh, Punjab, Tamil Nadu, Odisha, Bihar và Chattisgarh. Các bang này chiếm 72% diện tích và 75% sản lượng lúa toàn Ấn Độ. Trong năm 2015/16, các bang chính gieo trồng lúa: Uttar Pradesh 13,52% diện tích toàn Ấn Độ; tiếp theo là Tây Bengal 12,59%; Odisha 9,09%; Chattisgarh 8,79%. Các bang chính về sản lượng: Tây Bengal 15,75 triệu tấn với 15,10% toàn Ấn Độ; Uttar Pradesh 12,51 triệu tấn và 11,33%; Punjab 11,82 triệu tấn và 7,65%; Tamil Nadu 7,98 triệu tấn và 7,18%; Andhra Pradesh 7,49 triệu tấn và 6,22% (Nguyễn Tuấn Quang, 2017)

Bảng 3: Sản xuất lúa gạo Ấn Độ giai đoạn 2009 - 2017

	Diện tích (triệu ha)	Sản lượng (triệu tấn)	Năng suất (tấn /ha)
2017	43,0	112,91	
2016	43,19	110,15	2,391
2015	43,49	104,32	2,404
2014	44,11	105,48	2,391
2013	44,14	106,65	2,416
2012	42,75	105,23	2,461
2011	44,01	105,3	2,393
2010	42,86	95,95	2,239
2009	41,92	89,09	2,125

Nguồn: Bộ Nông nghiệp Ấn Độ

Năm 2016/17, sản lượng lương thực Ấn Độ đạt mức kỷ lục cao 273,38 triệu tấn, tăng 8,7% so với năm trước. Trong đó, lúa gạo đạt kỷ lục 109,15 triệu tấn, tăng 4,5. Ấn Độ là nước sản xuất lúa lớn thứ hai thế giới, sau Trung Quốc.

Giống lúa

Lúa đã được trồng tại Ấn Độ từ khoảng 14.000 năm trước đây. Đến năm 1970, cả nước có 11.000 giống lúa. Nhưng do tác động của Cách mạng xanh, ngành nông nghiệp, cùng với việc thâm canh, tăng vụ, đã chú trọng hơn đến độc canh và lai vụ, nên số lượng giảm chỉ còn 600 giống lúa. Mười nhóm giống lúa hàng đầu hiện nay tại Ấn Độ: giống lúa

gạo trắng, gạo nâu, gạo đỏ, lúa nếp, gạo đỏ, gạo đen, basmati, gạo thơm, gạo chế biến sẵn, gạo từ lúa mọc hoang (wild rice). Ấn Độ phân chia gạo theo 2 loại basmati và phi basmati.

Mùa vụ

Theo Bộ Nông nghiệp Ấn Độ, lúa được gieo trồng từ 1 – 3 vụ trong một năm tùy theo điều kiện thời tiết. Vụ Thu (Autumn Rice/Pre – Kharif Rice) từ tháng 6 đến tháng 10; vụ Hè (Summer Rice/Rabi Rice) từ tháng 7 đến tháng 11 và vụ Đông (Winter Rice/Kharif Rice) từ tháng 9 đến tháng 1 năm sau. Vùng Đông và Nam Ấn Độ do có thời tiết thuận lợi, lúa được gieo trồng 2 – 3 vụ/năm trong khi vùng Bắc và Tây Ấn Độ chỉ có thể gieo trồng 1 vụ từ tháng 6 đến tháng 11 vì mưa và rét nhiều vào mùa đông.

Các yếu tố thời tiết, dịch bệnh, chính sách ảnh hưởng tới thay đổi trong sản xuất

Sản xuất lúa gạo của Ấn Độ đã có những bước tiến lớn trong nửa thập kỷ qua, từ một nước phải đối mặt với nạn thiếu lương thực trước thập niên 50 của thế kỷ XX, Ấn Độ đã dần trở thành nước tự túc về lương thực và hiện nay trở thành nước một trong những nước xuất khẩu gạo lớn nhất của thế giới. Việc tích cực thực hiện các cuộc Cách mạng xanh đã đóng góp đáng kể cho thành tựu này của Ấn Độ.

Cách mạng xanh lần thứ nhất bắt đầu từ thập niên 50 và 60 của thế kỷ XX ở nhiều nước trên thế giới, thông qua các biện pháp kỹ thuật, nhất là phân bón, thuốc trừ sâu và giống mới bằng lai tạo, làm tăng năng suất đáng kể cho các loại cây trồng, nhất là lúa mì và lúa gạo. Năm 1963, Ấn Độ nhập một số chủng lúa mì mới của Mexico và xử lý chủng Sonora 64 bằng phóng xạ, đã tạo ra giống Sharbati Sonora, hàm lượng chất dinh dưỡng và chất lượng còn tốt hơn cả chủng Mexhico tuyển chọn. Ngoài các loại giống lúa mì, ngô, lúa,... Ấn Độ cũng nhập khẩu phân bón phục vụ cho việc nâng cao năng suất cây trồng và cải tạo hệ thống thủy nông, cung cấp lượng nước ổn định cho sản xuất nông nghiệp.

Cách mạng xanh lần hai bao gồm việc áp dụng công nghệ và kỹ thuật canh tác mới có năng suất cao, chất lượng tốt, giống mới có khả năng chống chịu dịch bệnh, thích nghi với môi trường, khí hậu khắc nghiệt; quản lý và điều phối nguồn nước tưới tiêu bằng cách chuyên nước từ miền Bắc xuống miền Tây và miền Nam. Cuộc cách mạng xanh lần hai tập trung cải thiện vật tư đầu vào, dịch vụ cho nông dân, khuyến nông và phương pháp quản lý, nhằm bảo đảm thu nhập cho người dân. Nhờ đó, Ấn Độ tăng năng suất lương thực lên gấp 2 – 3 lần. Kết quả là từ một nước có nạn đói kinh niên, không sao vượt qua ngưỡng 20 triệu tấn lương thực, Ấn Độ đã trở thành một nước có đủ ăn và dư thừa để xuất khẩu với tổng sản lượng lương thực kỷ lục 273 triệu tấn (trong đó có 109,15 triệu tấn lúa) năm 2016/17, tạo điều kiện để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa.

Sản xuất lúa gạo của Ấn Độ đã đạt được những thành công lớn trong nhiều năm qua về diện tích, sản lượng và năng suất. Nhưng ngành này vẫn phải đối mặt với những thách thức không nhỏ:

- Sản xuất lúa gạo phụ thuộc nặng vào thời tiết, mưa thất thường gây lụt và hạn hán tại nhiều địa phương, nhất là phía Đông và Tây.
- Các vấn đề về ruộng đất, nhân lực và các yếu tố đầu vào như thuốc trừ sâu, phân bón, thuốc diệt cỏ: Hiện tượng đất bị chua hóa đang xảy ra tại phía Đông và phía Nam, trong khi tại miền Bắc, đất đang bị nhiễm mặn và kiềm hóa. Đất kém màu mỡ và thiếu phốt pho và kẽm cũng đang là những trở ngại cho nông nghiệp. Sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, rệp, sâu cuốn lá, rầy xanh, muỗi hành... là những loại sâu thường gây thiệt hại diện tích gieo trồng, năng suất và sản lượng. Tồn thất sau thu hoạch cũng là vấn đề lớn của nông nghiệp, thường gây tổn thất 8 – 10% sản lượng.

2.2. Hoạt động chế biến và sơ chế sản phẩm

Trong nhiều năm qua, Ấn Độ cũng chú trọng công tác giảm tổn thất sau thu hoạch thông qua tăng cường hoạt động của các nhà máy sơ chế, chế biến gạo. Hai hình thức chế biến gạo chủ yếu được áp dụng ở Ấn Độ là xay xát và đồ. Hiện nay, ngành xay xát chế biến gạo của Ấn Độ xử lý khoảng 85 triệu tấn thóc hàng năm và cung cấp lương thực cũng như các phụ phẩm lúa gạo cho khoảng 60% dân số Ấn Độ. Có khoảng 82.000 xưởng xay xát gạo đăng ký hoạt động trong nước và nhiều đơn vị khác chưa đăng ký hoạt động, 60% trong số đó có thêm các công nghệ đồ và phơi nắng. Năng lực trung bình của các nhà máy chế biến gạo từ 2 đến 4 tấn/ tiếng. Hiện tại, có khoảng 1.300.000 nhà máy chế biến gạo hoạt động ở Ấn Độ, trong đó có các nhà máy chế biến hiện đại. Ở các nhà máy chế biến hiện đại, sản phẩm cuối cùng trong dây chuyền sản xuất là gạo đã được đánh bóng sau khi xay xát.

2.3. Chính sách hỗ trợ sản xuất

Các chính sách bảo đảm an ninh lương thực

Việc sản xuất lúa được chính phủ trung ương hỗ trợ trong chính sách trợ giá lương thực. Những năm gần đây, trợ giá lương thực cho lúa và lúa mì tăng mạnh. Năm 2006/07, tổng trợ giá cho lúa và lúa mì là 238,28 tỷ Rs (5,295 tỷ USD). Năm 2007/8 là 312,6 tỷ Rs (6,947 tỷ USD), tăng 31,2% và năm 2008/09 là 436,68 tỷ Rs (9,704 tỷ USD), tăng 40%.

Bảng 4: Hỗ trợ giá tối thiểu (MSP) cho sản xuất lúa (Đơn vị: Rs/ tạ)

Giống lúa	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
Thông thường	1360	1410	1470	1550	1750
Giống loại A	1440	1450	1510	1590	1770

Nguồn: Bộ Nông nghiệp Ấn Độ

Giá hỗ trợ tối thiểu (Minimum Support Price) cho sản xuất lúa năm 2016/17 là 1.490 Rs/tạ (24,45 USD), năm 2015/16 là 1.745 Rs/tạ (23,24 USD), năm 2014/15 là 1.380 Rs/tạ (20,67 USD).

III. THỰC TRẠNG THƯƠNG MẠI NGÀNH LÚA GẠO ẤN ĐỘ

3.1. Xuất khẩu

Ấn Độ hiện là nước xuất khẩu gạo lớn của thế giới. Các loại gạo xuất khẩu chính bao gồm gạo phi basmati, basmati, gạo trắng và gạo đỏ. Các thị trường nhập khẩu chính là Nam Á (Nepal, Bangladesh), Tây Á (Iran, U.A.E., Iraq, Kuwait, Jordan), châu Phi (Senegal, Benin), EU, Anh, Trung Quốc và Mỹ.

Năm 2008, Ấn Độ ban hành lệnh cấm xuất khẩu lúa và lúa mì để phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước. Sau đó, do nhu cầu tăng mạnh tại thị trường thế giới và sản xuất trong nước dư thừa, lệnh cấm đã được dỡ bỏ, nhưng chỉ cho phép xuất khẩu khối lượng hạn chế. Từ năm 2011/12 đến nay, xuất khẩu gạo từ Ấn Độ được tự do và khối lượng xuất khẩu tăng mạnh, Ấn Độ trở thành nước xuất khẩu gạo lớn nhất trong 6 năm trở lại đây (từ 2012 đến 2017)

Bảng 5: Lượng, giá trị và giá xuất khẩu gạo Ấn Độ qua các năm

Năm	Khối lượng (nghìn tấn)	Giá trị (Triệu USD)	Giá xuất khẩu (USD)
2017	12120,4	7075	583,7
2016	9907,1	5315,5	536,5
2015	11025,1	6380,1	578,7
2014	11162,0	7905,7	708,3
2013	11387,1	8169,5	717,4
2012	10569,6	6128,0	579,8
2011	5018,1	4073,3	811,7

2010	2506,7	2295,8	915,9
2009	2151,3	2398,2	1114,8
2008	3535,6	2843,3	804,2

Nguồn: (UN COMTRADE)

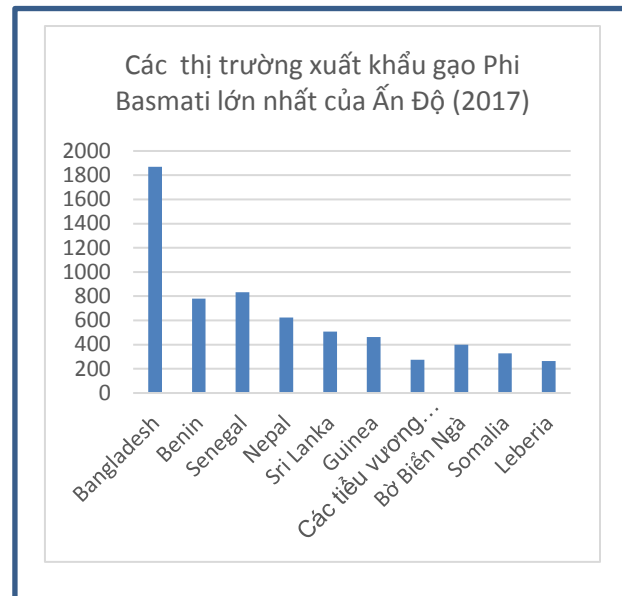
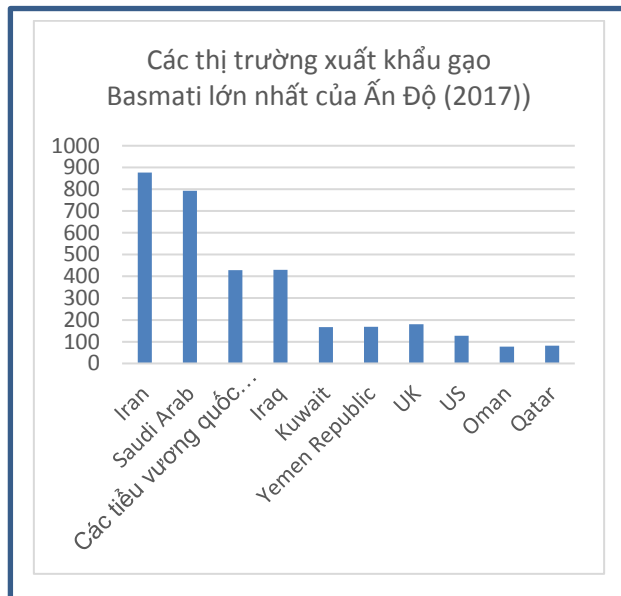
Tỷ trọng gạo Basmati xuất khẩu tăng đáng kể từ năm 2011, đạt trung bình 62% tổng lượng gạo xuất khẩu của Ấn Độ, so với trước năm 2011, tỷ lệ này chỉ khoảng 4- 6%. Các thị trường nhập khẩu gạo basmati lớn bao gồm Ả rập Xê út, các nước Trung Đông, Châu Âu và Mỹ, các thị trường nhập khẩu gạo Phi Basmati lớn chủ yếu là các nước châu Phi như Senegal, Benin, Nepal, các nước Nam Á láng giềng như Bangladesh, Srilanka, Nepal.

Bảng 6: Xuất khẩu gạo Ấn Độ phân theo chủng loại (đơn vị: triệu tấn)

Năm	Gạo phi Basmati	Gạo Basmati
2016	3,25	5,21
2015	4,04	6,27
2014	3,70	8,23
2013	3,76	7,00
2012	3,50	6,44
2011	3,18	4,00
2010	2,37	0,10
2009	2,02	0,14

Nguồn: Bộ Thương mại và công nghiệp Ấn Độ, Trích dẫn theo Nguyễn Tuấn Quang, 2017

Các thị trường xuất khẩu gạo Basmati và Phi Basmati lớn nhất của Ấn Độ năm 2017 được thể hiện trong các biểu đồ dưới đây



Hình 1: Thị trường xuất khẩu gạo Basmati và Phi Basmati của Ấn Độ 2017

Nguồn: DGCIS - Tổng cục thông tin & thống kê thương mại Ấn Độ

3.2. Nhập khẩu

Bên cạnh xuất khẩu, Ấn Độ cũng nhập khẩu gạo từ một số nước láng giềng, tuy nhiên lượng nhập khẩu gạo này chỉ rất nhỏ so với gạo xuất khẩu và không tác động nhiều đến cán cân thương mại lúa gạo của nước này.

Bảng 7 Lượng và giá trị nhập khẩu gạo của Ấn Độ qua các năm

Năm	Khối lượng (nghìn tấn)	Giá trị (Triệu USD)
2017	1,87	1,64
2016	0,99	0,94
2015	1,3	1,14
2014	1,79	1,64
2013	1,3	1,3
2012	0,54	0,57
2011	1,09	1,18
2010	0,11	0,11
2009	0,1	0,16
2008	0,037	0,041

Nguồn: UN COMTRADE

3.3. Biến động tiêu dùng và tồn kho trong nước

Lúa gạo là lương thực chính cho hơn 70% dân số Ấn Độ. Trong những năm gần đây, do kinh tế phát triển và thu nhập tăng dần, người tiêu dùng Ấn Độ đã dần dần giảm lượng tiêu thụ gạo sang các thực phẩm giàu đạm và dinh dưỡng hơn như thịt, sữa, trái cây, rau quả trong chế độ ăn hàng ngày. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, tiêu dùng trong nước niên vụ 2018/2019 được dự báo là 99 triệu tấn, tiêu dùng trong nước niên vụ 2016/2017 là 4,2 triệu tấn, niên vụ 2017/2018 là 4,4 triệu tấn (USDA, 2018).

Có hơn 4000 giống gạo được trồng và buôn bán trong nước. Hầu hết các giống gạo thường (hạt thô) không được đóng gói, không có thương hiệu thường được chính phủ thu mua, gạo hạt dài Basmati và các gạo đặc sản hầu hết được sản xuất để xuất khẩu hoặc được bán trên thị trường với bao bì đóng gói cẩn thận và có thương hiệu. Khoảng 40 – 50% lượng gạo sản xuất trong nước được nông dân giữ lại để ăn và dùng làm giống. Cơm gạo được các nhà máy chế biến thức ăn gia súc sử dụng làm nguyên liệu. Ngoài ra, một lượng gạo tấm hoặc gạo gãy vụn được sử dụng làm rượu (USDA, 2018).

Lượng tồn kho niên vụ 2017/2018 của Ấn Độ là 22 triệu tấn, dự báo niên vụ 2018/2019 là 20 triệu tấn. Do nhu cầu dự trữ của chính phủ tăng, lượng tồn kho niên vụ 2017/2018 tăng (USDA, 2018). Không có số chính thức về lượng tồn kho trong các cơ sở tư nhân tự quản lý.

3.5. Biến động giá

Giá gạo trong nước niên vụ 2017/2018 biến động mạnh theo nhu cầu xuất khẩu và sản lượng.

Bảng 8: Giá gạo trong nước qua các năm (Rupees/ tấn)

Tháng	2015	2016	2017
1	28.400	27.828	28.656
3	28.463	28.434	29.964
6	26.582	27.541	30.500
9	27.061	28.610	29.679
12	26.451	27.765	29.213

Nguồn: USDA, 2018

3.6. Chính sách thương mại

Các cam kết khu vực, song phương, đa phương, WTO

Bên lề Hội nghị cao cấp Tổ chức Hợp tác Thương Hải (SCO) 2018 tháng 6 vừa qua, Ấn Độ và Trung Quốc đã ký kết thỏa thuận tăng cường quan hệ giữa hai nước, trong đó, Trung Quốc sẽ điều chỉnh một số yêu cầu về gạo xuất khẩu của Ấn Độ sang Trung Quốc ngoài giống gạo Basmati cao cấp. Trong nhiều năm qua, mặc dù có giá cạnh tranh nhưng gạo Ấn Độ không tiếp cận được thị trường Trung Quốc do các điều khoản khắt khe về an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật của nước này. Với các điều khoản được điều chỉnh trong thỏa thuận vừa được ký kết, gạo Ấn Độ sẽ có nhiều cơ hội tiếp cận được với thị trường Trung Quốc nếu đạt được yêu cầu về kiểm dịch thực vật của phía Trung Quốc.

Các chính sách đảm bảo an ninh lương thực

Việc thu mua và đưa vào dự trữ quốc gia được Chính phủ giao cho Tổng Công ty Lương thực Ấn Độ (tập đoàn của Nhà nước) thực hiện. Tổng thu mua dự trữ quốc gia về gạo năm 2016/17 đạt 38,105 triệu tấn, năm 2015/16 đạt 34,218 triệu tấn. Tổng thu mua dự trữ quốc gia tại 4 bang chính về lúa gạo Punjab, Haryana, Uttar Pradesh, Haryana thường chiếm gần 70% về lượng của dự trữ toàn Ấn Độ (Nguyễn Tuấn Quang, 2017)

Ngoài ra, gạo xuất khẩu cũng như nhiều mặt hàng khác được chính phủ hỗ trợ các mức 50%, 75% và thậm chí 90% chi phí vận tại nội địa tùy theo từng vùng, từng dạng hàng hóa có các điều kiện khó khăn khác nhau như vùng Đông Bắc, Jammu và Kashmir... và vận chuyển nguyên liệu thô hay dạng thành phẩm.

Ngoài Tổng công ty Lương thực Ấn Độ, MMTC Ltd., PEC Ltd., nhiều công ty có năng lực khác cũng được chính phủ cấp giấy phép xuất khẩu gạo theo chỉ tiêu được giao hàng năm hoặc đột xuất.

Chính sách điều hành về phân phối và xuất nhập khẩu lúa gạo

Xuất khẩu gạo phải chịu thuế xuất khẩu theo quy định của từng giai đoạn. Chính phủ quy định hạn ngạch xuất khẩu và chỉ định các công ty thực hiện việc xuất khẩu. Các văn phòng khu vực của Tổng vụ Ngoại thương cấp giấy phép xuất khẩu cho các công ty trên cơ sở hạn ngạch hoặc quyết định của chính phủ.

Tùy theo diễn biến của thị trường trong và ngoài nước và an ninh lương thực, chính phủ có những quyết định phi thị trường liên quan tới lúa gạo. Ví dụ : cấm xuất khẩu gạo khi lượng dự trữ xuống thấp, giá cả lương thực và thế giới tăng cao năm 2008, dỡ bỏ cấm xuất khẩu gạo với một vài nước tại Nam Á và Châu Phi đầu năm 2009.

Các chính sách để tăng cường cạnh tranh của gạo xuất khẩu

Bảo đảm có giống tốt và cung cấp cho nông dân với giá có trợ cấp. Tăng cường phát triển giống lúa năng suất và chất lượng cao cho xuất khẩu.

Phát triển sản phẩm mới và kỹ thuật chế biến mới.

Điều tra, quy hoạch để tạo các vùng chuyên gieo trồng lúa có chất lượng, năng suất cao dùng cho xuất khẩu. Duy trì và tăng cường công tác tiêu chuẩn hóa để có các sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường thế giới.

Sản xuất, thu mua và chế biến gạo basmati và phi basmati được tổ chức một cách có hệ thống để duy trì chất lượng cho xuất khẩu. Tăng cường nghiên cứu và phát triển để có gạo chất lượng ngày một cao. Chính sách xuất khẩu linh hoạt, thân thiện, tạo điều kiện cho sản xuất, chế biến và lưu thông.

Tăng cường cơ sở hạ tầng: đường xá, cảng, kho, bãi... và tiếp tục hiện đại hóa các nhà máy chế biến gạo.

IV. KẾT LUẬN

4.1. Kết luận

Sản xuất lúa gạo của Ấn Độ đã có những bước tiến lớn trong nửa thập kỷ qua nhờ thực hiện các cuộc Cách mạng xanh trong nông nghiệp. Hiện nay, Ấn Độ nằm trong số các nước đứng đầu về canh tác và áp dụng máy móc cơ khí vào trong nông nghiệp trong đó có ngành gạo. Trên thực tế, đây là nước thứ nhì về diện tích canh tác và đứng nhất về diện tích được tưới tiêu và đứng thứ 3 về cơ giới hóa trang trại. Do đó, ngành gạo của Ấn Độ có năng suất cao¹. Sản lượng sản xuất hàng năm lớn và ngày càng tăng nên lượng gạo xuất khẩu gạo của Ấn Độ tương đối ổn định. Ngoài ra, Chính phủ Ấn Độ đã đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ xuất khẩu gạo như phát triển giống lúa năng suất cao, tăng cường nghiên cứu để nâng cao chất lượng gạo đáp ứng yêu cầu của các thị trường quốc tế.

Xuất khẩu gạo của Ấn Độ tăng trưởng mạnh kể từ năm 2012, với sự gia tăng mạnh mẽ của dòng gạo Basmati đến các thị trường các nước phát triển. Ngoài các thị trường cao cấp tiêu thụ gạo Basmati của Ấn Độ như Hoa Kỳ, các nước Châu Âu, Các tiểu Vương quốc Ả rập thống nhất, gạo phi Basmati của Ấn Độ chiếm lĩnh phần lớn thị trường Châu Phi và Trung Đông. Gần đây, Trung Quốc cũng đang trở thành một thị trường xuất khẩu tiềm năng của cả 2 dòng gạo Basmati và phi Basmati của Ấn Độ.

¹ https://www.researchgate.net/publication/244992809_Agriculture_in_India_A_SWOT_analysis

4.2. Một số lưu ý cho Việt Nam

Với gạo phi Basmati, thị trường châu Phi, và Trung Đông đang là thị trường xuất khẩu gạo Phi Basmati lớn của Ấn Độ, đồng thời cũng đang là thị trường xuất khẩu gạo mới nổi của Việt Nam với lượng và giá trị xuất khẩu tăng dần trong những năm gần đây, đặc biệt với các loại gạo thơm, Jasmine. Xuất khẩu gạo Việt Nam sang các thị trường này phải cạnh tranh lớn nhất với gạo Ấn Độ về cả giá cả và phương thức thanh toán. Trong 3 năm trở lại đây, giá gạo trắng 5% tằm của Ấn Độ luôn thấp hơn giá của gạo cùng loại từ Việt Nam hay Thái Lan do tỷ giá đồng Rupee suy yếu, điều này giúp gạo trắng của Ấn Độ dễ được các nhà nhập khẩu châu Phi ưu tiên thu mua hơn so với gạo của Việt Nam hay Thái Lan. Hơn nữa, do điều kiện địa lý, văn hóa gần gũi với các nước Nam Á, châu Phi nên các sản phẩm nông nghiệp của Ấn Độ xuất khẩu sang các thị trường này có lợi thế hơn cả về giá cả lẫn thị hiếu người tiêu dùng. Để cạnh tranh được với Ấn Độ ở các thị trường này, Việt Nam cần chú trọng một số vấn đề sau đây:

- Nâng cao chất lượng gạo, đảm bảo các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật theo yêu cầu của các nước, đặc biệt như Iraq, Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất
- Các doanh nghiệp xuất khẩu gạo cần tìm cách khắc phục vướng mắc trong việc mua hàng trả chậm của các nước Châu Phi
- Đẩy mạnh tìm hiểu thông tin thị trường, và công tác xúc tiến thị trường đến các nước châu Phi và Trung Đông (hiện tại các doanh nghiệp Việt Nam chưa có nhiều kênh thông tin để tìm hiểu về thị trường Châu Phi và Trung Đông. Việt Nam chỉ có 9 Đại sứ quán và 5 Thương vụ tại châu Phi nên khả năng giới thiệu, thẩm tra đối tác, xin visa... nhất là ở những nước khác gặp nhiều khó khăn. Hiện tại các doanh nghiệp chỉ có thể liên hệ các thương vụ Việt Nam tại các nước hoặc thông qua mạng internet)

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ (MOCI) – Cục Thương mại: <http://commerce.gov.in/>
2. Bộ Nông nghiệp Ấn Độ: <http://agriculture.gov.in/>
3. Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, Báo cáo sản xuất lương thực Ấn Độ 2017: <https://www.fas.usda.gov/data/india-grain-and-feed-annual-2>
4. Cơ quan thúc tiến xuất khẩu nông sản và thực phẩm Ấn Độ: <http://agriexchange.apeda.gov.in/>
5. Nguyễn Tuấn Quang, 2017, Sản xuất và xuất khẩu lúa gạo của Ấn Độ, Trung tâm nghiên cứu Ấn Độ, Học Viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
6. Parveen Kumar, M.S. Nain, 2013, Agriculture in India: A SWOT Analysis, Indian Journal of Applied Research: (https://www.researchgate.net/publication/244992809_Agriculture_in_India_A_SWOT_analysis)
7. Tổng cục Thông tin và thống kê thương mại Ấn Độ (DGCIS): <https://data.gov.in/keywords/directorate-general-commercial-intelligence-and-statistics>
8. UkrAgroConsult, 2016 Rice Processing and Value Addition in India (<http://www.blackseagrain.net/novosti/rice-processing-and-value-addition-in-india>)
9. UN COMTRADE Database: <https://comtrade.un.org/>